

Số: **1222** /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **15** tháng **5** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 quận Dương Kinh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 25/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết: Số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017, số 20/NQ-HĐND ngày 12/7/2018, số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018, số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án, công trình cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; mức vốn ngân sách Nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố (năm 2018, 2019 và 2020);

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 166/TTr-STN&MT ngày 07/05/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của quận Dương Kinh với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Tổng số 27 dự án/96,27 ha đất quy hoạch thực hiện dự án, cụ thể:

- Kế hoạch sử dụng đất (Biểu số 01).
- Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất (Biểu số 02).
- Kế hoạch thu hồi các loại đất (Biểu số 03).
- Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng (Biểu số 04).
- Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2020 (Biểu số 05).

Điều 2.

1. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh có trách nhiệm:

a) Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất, các trường hợp được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng sai mục đích; kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ đã cam kết trong dự án..

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh tổ chức thực hiện Quyết định này;

b) Căn cứ quy định tại Điều 67 Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kiểm tra, rà soát những dự án, công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của quận; loại bỏ ra khỏi danh mục những dự án, công trình không đủ điều kiện, đảm bảo việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đúng quy định của pháp luật;

c) Rà soát, tổng hợp hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai 2013 trước khi thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

d) Lưu trữ toàn bộ hồ sơ, tài liệu thẩm định, trình duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của quận Dương Kinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBNDTP;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP;
- CV: ĐC3, ĐC2, ĐC1, QH, XD, GT, NN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Chuyển

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA QUẬN DƯƠNG KINH
(Kèm theo Quyết định số: **1222** /QĐ-UBND ngày **15**/5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Anh Dũng	Hưng Đạo	Đa Phúc	Hải Thành	Tân Thành	Hòa Nghĩa
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(10)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Tổng diện tích tự nhiên		4.678,47	711,46	650,83	598,77	529,24	1.062,26	1.125,91
1	Đất nông nghiệp	NNP	2.551,94	162,21	335,01	389,83	209,93	784,91	670,05
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.151,73	133,20	282,17	272,19			464,17
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	1.151,73	133,20	282,17	272,19			464,17
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	81,92	3,90	5,34	25,06	4,83	0,88	41,92
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	99,86	4,29	20,96	10,38	4,55	13,93	45,75
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	146,87					146,87	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.069,42	19,71	26,54	82,20	200,55	622,21	118,21
1.8	Đất làm muối	LMU							
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,14	1,12				1,02	
2	Đất phi nông nghiệp	PNV	1.982,46	479,72	309,13	203,40	314,04	229,95	446,23
2.1	Đất quốc phòng	CQP	65,72	22,95	21,69	0,04	2,11	18,03	0,90
2.2	Đất an ninh	CAN	3,43	2,73	0,40	0,10	0,08	0,05	0,07
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	14,18					14,18	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT							
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN							
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	7,13	4,71			2,42		
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	207,61	80,93	59,58	2,03	62,95		2,12
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS							
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	719,89	160,36	93,69	78,99	115,63	96,41	174,81
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,31						0,31
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL							
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,07	0,03		0,04			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT							
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	662,63	134,79	111,27	99,46	69,68	40,00	207,43
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,99	14,25	0,28	0,55	0,32	1,07	0,52
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,10	0,10					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	9,18	0,51	2,27	3,44	0,16	0,21	2,59
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	34,61	11,62	6,03	5,73	2,23	0,53	8,47
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,91	0,91					
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,50	0,25	0,62	0,39	0,56	0,28	0,40
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,20	4,20					
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,74	1,05	1,84	1,19			0,66
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	227,81	40,33	11,46	11,44	57,56	59,19	47,83
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,12						0,12
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,33				0,33		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	144,07	69,53	6,69	5,54	5,27	47,40	9,64
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN							
5	Đất khu kinh tế*	KKT							
6	Đất đô thị*	KDT	4.678,47						

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 QUẬN DƯƠNG KINH
(Kèm theo Quyết định số: **1222** /QĐ-UBND ngày **15/5/2020** của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Anh Dũng	Hưng Đạo	Đa Phúc	Hải Thành	Tân Thành	Hòa Nghĩa
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(10)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	23,95	6,86	0,62	0,01	6,44	0,00	10,02
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	16,02	5,48	0,52	0,01			10,01
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	16,02	5,48	0,52	0,01			10,01
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,15	0,07	0,07				0,01
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN							
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN							
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	7,78	1,30	0,04		6,44		
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN							
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN							
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp								
	Trong đó:								
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUC/NKH							
2.2	Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất nông nghiệp khác	NTS/NKH							
3	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/ODT							

* Ghi chú:

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2020 QUẬN DƯƠNG KINH

(Kèm theo Quyết định số: 1222 /QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Anh Dũng	Hưng Đạo	Đa Phúc	Hải Thành	Tân Thành	Hòa Nghĩa
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(10)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất nông nghiệp	NNP	23,95	6,86	0,62	0,01	6,44	0,00	10,02
1.1	Đất trồng lúa	LUA	16,02	5,48	0,52	0,01			10,01
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa	LUC	16,02	5,48	0,52	0,01			10,01
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,15	0,07	0,07				0,01
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN							
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH							
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	7,78	1,30	0,04		6,44		
1.8	Đất làm muối	LMU							
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH							
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5,63	4,86	0,09	0,00	0,67	0,00	0,00
2.1	Đất quốc phòng	CQP							
2.2	Đất an ninh	CAN							
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK							
2.4	Đất khu chế xuất	SKT							
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN							
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD							
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,00	1,00					
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS							
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh,	DHT	4,29	3,66			0,63		
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT							
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL							
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA							
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT							
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,15	0,01	0,09		0,05		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,19	0,19					
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự	DTS							
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON							
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD							
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm	SKX							
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH							
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV							
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN							
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON							
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC							
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK							

**KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2020
CỦA QUẬN DƯƠNG KINH**

(Kèm theo Quyết định số: **1222** /QĐ-UBND ngày **15** /5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Anh Dũng	Hưng Đạo	Đa Phúc	Hải Thành	Tân Thành	Hòa Nghĩa
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(10)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất nông nghiệp	NNP							
1.1	Đất trồng lúa	LUA							
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>							
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK							
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN							
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH							
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS							
1.8	Đất làm muối	LMU							
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH							
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,384						0,384
2.1	Đất quốc phòng	CQP							
2.2	Đất an ninh	CAN							
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK							
2.4	Đất khu chế xuất	SKT							
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN							
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD							
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC							
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS							
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT							
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT							
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL							
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA							
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT							
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,384						0,384
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC							
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS							
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON							
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD							
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX							
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH							
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV							
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN							
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON							
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC							
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK							

94

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020 CỦA QUẬN DƯƠNG KINH

(Kèm theo Quyết định số: **1222** /QĐ-UBND ngày **15** /5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất hiện trạng	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Địa điểm (đến cấp phường)	Vị trí trên bản đồ địa chính		Căn cứ pháp lý
							Số thửa	Bản đồ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Công trình dự án đã được phê duyệt tại KHSDD năm 2019, chuyển tiếp sang năm 2020		95,892						
1	Trụ sở làm việc của Phòng cảnh sát PCCC số 1- Khu vực Dương Kinh	Công an TP	1,25	NTS, ODT, HNK	CAN	Anh Dũng		Tờ BĐ khu Ninh Hải	- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 2 DK-biểu 1, STT 1 DK-biểu 2); - Công văn số 6011/UBND-VXNC ngày 21/9/2018 của UBNDTP về việc giao đơn vị làm chủ đầu tư các dự án do Cảnh sát PCCC đang thực hiện - Quyết định số 92/QĐ-HĐND ngày 25/10/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Doanh trại Phòng Cảnh sát PCCC số 1 khu vực Dương Kinh
2	XD trụ sở Tòa án nhân dân quận DK	Tòa án nhân dân quận	0,28	TSC	TSC	Anh Dũng	6	29	- NQ số 149/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 (STT 4 DK-biểu 2, STT 4 DK-biểu 3); - QĐ số 167a/QĐ-CA ngày 07/3/2016 của TAND TP Hải Phòng v/v phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư dự án xây dựng trụ sở làm việc của TAND quận - QĐ số 805/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND quận DK v/v phê duyệt QH chi tiết tỷ lệ 1/500
3	Trụ sở Chi cục thi hành án dân sự quận Dương Kinh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng-Bộ Tư pháp	0,19	TSC	TSC	Anh Dũng	6	29	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 (STT 74 DK-biểu 1, STT 46 DK-biểu 2)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất hiện trạng	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Địa điểm (đến cấp phường)	Vị trí trên bản đồ địa chính		Căn cứ pháp lý
							Số thửa	Bản đồ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	Xây dựng trung tâm TM khách sạn cao cấp	Công ty cổ phần Phúc Hưng	2,51	LUC	TMD	Anh Dũng		Tờ BĐ khu Ninh Hải	- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cấp ngày 30/5/2018; - Thông báo thu hồi số 148/TB-UBND ngày 01/6/2011 của UBND TP về việc thu hồi đất để BTGPMB thực hiện dự án Xây dựng Trung tâm TM, khách sạn cao cấp; - Quyết định 2726/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của UBND TP về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 - Văn bản số 2013/VP-ĐC2 ngày 05/6/2019 của UBND TP về việc bồi thường, GPMB Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp do Công ty CP Đầu tư TM Phúc Hưng làm chủ đầu tư
5	Dự án đầu tư xây dựng Cầu Rào 1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	4,50	DGT, SKC	DGT	Anh Dũng			- NQ số 14/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 (STT 1 DK-biểu 2); - NQ số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 (Biểu 3 danh mục điều chỉnh); - Thông báo số 927-TB/TU ngày 15/11/2019 của Thành ủy Hải Phòng; - Văn bản số 3867/VP-GT ngày 06/11/2019 của UBND thành phố.

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất hiện trạng	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Địa điểm (đến cấp phường)	Vị trí trên bản đồ địa chính		Căn cứ pháp lý
							Số thửa	Bản đồ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
6	Bến xe khách liên tỉnh	Công ty CP Bến xe Hải Phòng	7,11	NTS, DGT, DTL, ODT	DGT	Hải Thành			- NQ số 20/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 (STT 1 DK-biểu 1, STT 1 DK-biểu 2); - NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 3 DK-biểu 1, STT 2 DK-biểu 2); - Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của UBND TP về Chủ trương đầu tư của Dự án đầu tư xây dựng Bến xe khách liên tỉnh; - Quyết định số 2472/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của UBND TP về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
7	Xây dựng trạm biến áp 110KV Quán Trữ và nhánh rẽ	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	0,01	LUC	DNL	Đa Phúc			- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 (STT 76 DK-biểu 1, STT 48 DK-biểu 2); - Công văn số 3028/SXD-QHKT ngày 29/9/2017 của Sở Xây dựng thỏa thuận hướng tuyến đường dây.
8	Dự án đấu giá đất không xây dựng CSHT tại phường Anh Dũng	UBND quận	2,72	LUC	ODT	Anh Dũng			- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 4 DK-biểu 1, STT 3 DK-biểu 2); - Công văn số 4804/VP-GT ngày 15/10/2018 của Văn phòng UBND TP về việc bồi thường, hỗ trợ và thu hồi đất ngoài chỉ giới thực hiện Dự án thành phần xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ di chuyển các đơn vị Hải quân
9	Dự án đấu giá đất vào mục đích làm nhà ở tại phường Hòa Nghĩa	UBND quận	9,80	LUC	ODT	Hòa Nghĩa	7,8,9,10... 68; 1...102;3... 24;5...13	77,78,71,70	- NQ số 37/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 (STT 8 DK-biểu 1, STT 8 DK-biểu 2).

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất hiện trạng	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Địa điểm (đến cấp phường)	Vị trí trên bản đồ địa chính		Căn cứ pháp lý
							Số thửa	Bản đồ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
10	Thu hồi đất để BTGPMB phục vụ việc đấu giá đất	Sở TNMT	0,16	CCC	TMD	Anh Dũng	CCKV1A-Lô I.1.1		- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 30 DK-biểu 2); - Công văn số 3724/VP-ĐC3 ngày 31/7/2018 của UBND thành phố; - Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND thành phố; - Công văn số 1342/STN&MT-CCQLĐĐ ngày 11/4/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường
11	Đấu giá quỹ đất 10% thuộc Dự án xây dựng Khu nhà ở Nam sông Lạch Tray	TTPTQĐ-STNMT	0,560	ODT	ODT	Anh Dũng			- Thông báo số 394/TB-UBND ngày 04/9/2019; - Quyết định số 2444/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND thành phố.
12	Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	Tổng Công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam	65,48	DGT	DGT	Hòa Nghĩa, Hải Thành	Dạng tuyến		- QĐ số 393/QĐ-UBND ngày 11/3/2008, QĐ số 639/QĐ-UBND ngày 18/4/2008, QĐ số 2105/QĐ-UBND ngày 16/10/2009 về thu hồi đất tại các phường Hòa Nghĩa, Hải Thành, quận Dương Kinh để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng đường ô tô cao tốc Hà Nội-Hải Phòng;
13	Đấu giá đất không xây dựng CSHT	UBND quận	0,25	LUC	ODT	Trà Khê 1, Anh Dũng	36-40,65-75	Tờ BĐ 18	- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 (STT 72 DK-biểu 2); - Công văn số 3886/SXD-QHKT ngày 21/11/2017 của Sở xây dựng về thỏa thuận quy hoạch vị trí đất xen kẹt

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất hiện trạng	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Địa điểm (đến cấp phường)	Vị trí trên bản đồ địa chính		Căn cứ pháp lý
							Số thửa	Bản đồ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
14	Đấu giá đất không xây dựng CSHT	UBND quận	0,140	NTS	ODT	Phấn Dũng, Anh Dũng	88,90,131	23	- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 8 DK-biểu 1, STT 7 DK-biểu 2); - Đấu giá đất xen kẽ theo kế hoạch 5069/KH-TCT ngày 10/8/2012 của UBND TP; - Công văn số 4630/SXD-QHKT ngày 05/12/2018 của Sở Xây dựng về thỏa thuận quy hoạch các vị trí đất để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận Dương Kinh năm 2019.
15	Đấu giá đất không xây dựng CSHT	UBND quận	0,34	LUC	ODT	Vườn Quan, Vọng Hải, Hưng Đạo	41-43,36-38	Tờ BĐ 30,31	- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 (STT 95 DK-biểu 1, STT 68 DK-biểu 2); - Công văn số 2802/SXD-QHKT ngày 15/9/2017 của Sở Xây dựng về địa điểm đấu giá QSD đất phục vụ giải quyết tồn tại cho 86 hộ dân tại phường Hưng Đạo.
16	Đấu giá đất không xây dựng CSHT	UBND quận	0,031	LUC	ODT	TDP số 1, Hưng Đạo (Sau ông Quất)	365	Tờ 3/BĐGT	- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 10 DK-biểu 1, STT 9 DK-biểu 2); - Đấu giá đất xen kẽ theo kế hoạch 5069/KH-TCT ngày 10/8/2012 của UBND TP; - Công văn số 4630/SXD-QHKT ngày 05/12/2018 của Sở Xây dựng về thỏa thuận quy hoạch các vị trí đất để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận Dương Kinh năm 2019.
17	Đấu giá đất không xây dựng CSHT	UBND quận	0,089	LUC	ODT	TDP số 1, Hưng Đạo (Cửa ông Lịch)	268	Tờ 3/BĐGT	- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 11 DK-biểu 1, STT 10 DK-biểu 2); - Đấu giá đất xen kẽ theo kế hoạch 5069/KH-TCT ngày 10/8/2012 của UBND TP; - Công văn số 4630/SXD-QHKT ngày 05/12/2018 của Sở Xây dựng về thỏa thuận quy hoạch các vị trí đất để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận Dương Kinh năm 2019.

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất hiện trạng	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Địa điểm (đến cấp phường)	Vị trí trên bản đồ địa chính		Căn cứ pháp lý
							Số thửa	Bản đồ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
18	Đấu giá đất không xây dựng CSHT	UBND quận	0,009	BHK	ODT	TDP số 1, Hưng Đạo (Cửa ông Khời)	266	Tờ 3/BĐGT	- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 13 DK-biểu 1, STT 12 DK-biểu 2); - Đấu giá đất xen kẽ theo kế hoạch 5069/KH-TCT ngày 10/8/2012 của UBND TP; - Công văn số 4630/SXD-QHKT ngày 05/12/2018 của Sở Xây dựng về thỏa thuận quy hoạch các vị trí đất để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận Dương Kinh năm 2019.
19	Đấu giá đất không xây dựng CSHT	UBND quận	0,02	ODT	ODT	TDP số 1, Hưng Đạo (Cửa ông Phấn)	241	Tờ 3/BĐGT	- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 14 DK-biểu 1, STT 13 DK-biểu 2); - Đấu giá đất xen kẽ theo kế hoạch 5069/KH-TCT ngày 10/8/2012 của UBND TP; - Công văn số 4630/SXD-QHKT ngày 05/12/2018 của Sở Xây dựng về thỏa thuận quy hoạch các vị trí đất để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận Dương Kinh năm 2019.
20	Đấu giá đất không xây dựng CSHT	UBND quận	0,042	LUC	ODT	TDP số 2, Hưng Đạo (Cửa ông Chính)	247	Tờ 5/BĐGT	- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 15 DK-biểu 1, STT 14 DK-biểu 2); - Đấu giá đất xen kẽ theo kế hoạch 5069/KH-TCT ngày 10/8/2012 của UBND TP; - Công văn số 4630/SXD-QHKT ngày 05/12/2018 của Sở Xây dựng về thỏa thuận quy hoạch các vị trí đất để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận Dương Kinh năm 2019.
21	Đấu giá đất không xây dựng CSHT	UBND quận	0,067	ODT	ODT	TDP số 3, Hưng Đạo (Cửa bà Nguyễn)	502	Tờ 5/BĐGT	- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 16 DK-biểu 1, STT 15 DK-biểu 2); - Đấu giá đất xen kẽ theo kế hoạch 5069/KH-TCT ngày 10/8/2012 của UBND TP; - Công văn số 4630/SXD-QHKT ngày 05/12/2018 của Sở Xây dựng về thỏa thuận quy hoạch các vị trí đất để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận Dương Kinh năm 2019.

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất hiện trạng	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Địa điểm (đến cấp phường)	Vị trí trên bản đồ địa chính		Căn cứ pháp lý
							Số thửa	Bản đồ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
22	Đấu giá đất không xây dựng CSHT	UBND quận	0,056	BHK	ODT	TDP số 3, Hưng Đạo (Cửa bà Cách)	616	Tờ 5/BĐGT	- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 17 DK-biểu 1, STT 1 6 DK-biểu 2); - Đấu giá đất xen kẽ theo kế hoạch 5069/KH-TCT ngày 10/8/2012 của UBND TP; - Công văn số 4630/SXD-QHKT ngày 05/12/2018 của Sở Xây dựng về thỏa thuận quy hoạch các vị trí đất để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận Dương Kinh năm 2019.
23	Đấu giá đất không xây dựng CSHT	UBND quận	0,017	LUC	ODT	TDP số 9, Hưng Đạo (Cửa chùa Tiểu Trà)	268	Tờ 4/BĐGT	- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 18 DK-biểu 1, STT 17 DK-biểu 2); - Đấu giá đất xen kẽ theo kế hoạch 5069/KH-TCT ngày 10/8/2012 của UBND TP; - Công văn số 4630/SXD-QHKT ngày 05/12/2018 của Sở Xây dựng về thỏa thuận quy hoạch các vị trí đất để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận Dương Kinh năm 2019.
24	Đấu giá đất không xây dựng CSHT	UBND quận	0,039	NTS	ODT	TDP số 10, Hưng Đạo (Cửa ông Thịnh)	216	Tờ 4/BĐGT	- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 19 DK-biểu 1, STT 18 DK-biểu 2); - Đấu giá đất xen kẽ theo kế hoạch 5069/KH-TCT ngày 10/8/2012 của UBND TP; - Công văn số 4630/SXD-QHKT ngày 05/12/2018 của Sở Xây dựng về thỏa thuận quy hoạch các vị trí đất để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận Dương Kinh năm 2019.
25	Đấu giá đất không xây dựng CSHT	UBND quận	0,208	LUC	ODT	Tổ 5, Hòa Nghĩa (đầu đường Đại Thắng vào 170m)	837,838	Tờ 3/BĐGT	- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 21 DK-biểu 1, STT 20 DK-biểu 2); - Đấu giá đất xen kẽ theo kế hoạch 5069/KH-TCT ngày 10/8/2012 của UBND TP; - Công văn số 4630/SXD-QHKT ngày 05/12/2018 của Sở Xây dựng về thỏa thuận quy hoạch các vị trí đất để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận Dương Kinh năm 2019.

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất hiện trạng	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Điểm (điểm cấp phường)	Vị trí trên bản đồ địa chính		Cơ sở pháp lý
							Số thửa	Bản đồ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
26	Đấu giá đất không xây dựng CSHT	UBND quận	0,014	BHK	ODT	Tổ 5, Hòa Nghĩa (mặt ngõ 79, đường Đại Thắng vào 180m)	883,703	Tờ 3/BĐGT	- NQ số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 (STT 28 DK-biểu 1, STT 27 DK-biểu 2); - Đấu giá đất xen kẽ theo kế hoạch 5069/KH-TCT ngày 10/8/2012 của UBND TP; - Công văn số 4630/SXD-QHKT ngày 05/12/2018 của Sở Xây dựng về thỏa thuận quy hoạch các vị trí đất để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận Dương Kinh năm 2019.
II	Công trình dự án mới năm 2020		0,384						
1	Chuyển mục đích diện tích đất kinh doanh dịch vụ tại khu TĐC đường ô tô cao tốc Hà Nội-Hải Phòng sang đất ở để thực hiện đấu giá đất	UBND quận	0,384	BCS	ODT	Hòa Nghĩa			- Thông báo số 204/TB-UBND ngày 14/6/2018 của UBND thành phố; - Văn bản số 4844/SXD-QHKT ngày 05/11/2019 của Sở Xây dựng về việc cho ý kiến Đề án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 lô C1 (đất dịch vụ phi nông nghiệp) thuộc khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng đường ô tô cao tốc Hà Nội-Hải Phòng, tại phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh
TỔNG (I+II)			96,276						